

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã chương trình, ngành, nhóm ngành	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành	Số lượng tuyển (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Tổ hợp môn của PT1, PT2	Ghi chú (Điều kiện xét tuyển bổ sung)
28	GSA18QT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (Chương trình CLC Cầu - Đường bộ Việt - Anh)	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	50	PT1, PT2, PT3	A00, A01, C01, X06	PT3, thí sinh có học môn Vật lý với điểm trung bình 3 năm THPT từ 5.5 trở lên.
29	GSA11QT	Kỹ thuật ô tô (Chương trình CLC kỹ thuật ô tô)	7520130	Kỹ thuật ô tô	50	PT1, PT2, PT3	A00, A01, C01, X06	

Ghi chú: Tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học

A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh

B00: Toán, Hóa học, Sinh học

D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh

D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh

D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh

C01: Toán, Ngữ văn, Vật lý

D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh

V00: Toán, Vật lý, Vẽ Mỹ thuật

V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ Mỹ thuật

D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp

X06: Toán, Vật lý, Tin học

5. Các thông tin cần thiết khác

5.1. Nguồn tuyển: Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi của kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) năm 2026 theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15.00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2026.

5.2. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

Trường Đại học GTVT lấy điểm trúng tuyển theo từng mã xét tuyển và không có sự chênh lệch điểm giữa các tổ hợp trong cùng một mã xét tuyển.

5.3. Điểm ưu tiên, điểm cộng: Theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Điều kiện ưu tiên trong xét tuyển

+ *Ưu tiên theo đối tượng xét tuyển và khu vực xét tuyển:* Thực hiện theo quy định của Bộ GD&ĐT;

+ *Ưu tiên theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học GTVT:* Cụ thể như sau:

* Thí sinh đoạt giải nhất/nhì/ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố (thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển);

* Thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 5.0 trở lên (được cấp sau ngày 30/6/2024);

Bảng điểm cộng dành cho các thí sinh có thành tích xuất sắc trong học tập như sau:

TT	Nội dung	Điểm cộng (theo thang điểm 30)
1	Thí sinh đoạt giải nhất trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố	1.00
2	Thí sinh đoạt giải nhì trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố	0.75
3	Thí sinh đoạt giải ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp Tỉnh/Thành phố	0.50
4	Thí sinh có chứng chỉ IELTS từ 7.0 trở lên	1.50
5	Thí sinh có chứng chỉ IELTS 6.5	1.25
6	Thí sinh có chứng chỉ IELTS 6.0	1.00
7	Thí sinh có chứng chỉ IELTS 5.5	0.75
8	Thí sinh có chứng chỉ IELTS 5.0	0.50

Lưu ý: Tổng điểm xét tuyển của thí sinh (kể cả điểm ưu tiên theo đối tượng, khu vực và điểm cộng) không vượt quá 30 điểm (theo thang 30 điểm).

5.4. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo:

Trong quá trình đào tạo sinh viên được chọn chương trình cử nhân hoặc kỹ sư, chuyên ngành (đối với các ngành xét tuyển có nhiều chuyên ngành đào tạo) của ngành theo học. Đối với các chương trình liên kết quốc tế, nếu có nguyện vọng, các thí sinh đã trúng tuyển vào Trường được phép chuyển sang học các chương trình liên kết quốc tế (nếu đủ điều kiện trúng tuyển vào các chương trình này).

5.5. Các thông tin khác

- Trường xét tuyển theo mã xét tuyển theo nguyên tắc lấy tổng điểm xét tuyển từ cao xuống thấp cho đến chỉ tiêu được phân bổ theo mã xét tuyển, không phân biệt thứ tự nguyện vọng giữa các thí sinh. Nếu thí sinh đã đủ điều kiện trúng tuyển nguyện vọng xếp trên sẽ không được xét tuyển vào các nguyện vọng xếp phía dưới;

- Tổng điểm xét tuyển được làm tròn đến 2 chữ số thập phân;

- Trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có điểm cộng thấp hơn; trường hợp nhiều thí sinh có cùng điểm xét ở cuối danh sách và có điểm cộng bằng nhau, thứ tự xét ưu tiên đối với các thí sinh có thứ tự ưu tiên nguyện vọng cao hơn.

5.5.1. Với ngành Kiến trúc

Ngành Kiến trúc, khi sử dụng phương thức xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026 và phương thức xét kết hợp kết quả học bạ THPT và điều kiện về điểm thi tốt nghiệp năm 2026, với tổ hợp V00 và V01, thí sinh dùng kết quả thi môn Vẽ Mỹ thuật năm 2026 từ các Trường tổ chức thi môn này để đăng ký xét tuyển sẽ nộp điểm thi môn Vẽ Mỹ thuật cho Nhà trường theo Thông báo được đăng tại trang thông tin tuyển sinh: tuyensinh.utc.edu.vn (với mã xét tuyển GHA) và tuyensinh.utc2.edu.vn (với mã xét tuyển GSA).

5.5.2. Với các thí sinh đã hoàn thành chương trình học dự bị đại học năm học 2025-2026.

Với các thí sinh đã hoàn thành chương trình học dự bị đại học năm học 2025-2026 (tại các Trường đào tạo dự bị đại học) có nguyện vọng xét chuyển đại học, điểm xét chuyển là tổng điểm tổng kết của ba môn thi cuối khóa học tại Trường đào tạo dự bị đại học (thuộc một tổ hợp xét tuyển). Tổng điểm xét của các thí sinh phải đáp ứng được yêu cầu về ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của Trường Đại học GTVT. Nhà trường sẽ thông báo chỉ tiêu riêng theo ngành cho các thí sinh diện này trên cơ sở đề nghị của các Trường đào tạo dự bị và khả năng đáp ứng của Trường Đại học GTVT.

6. Tổ chức tuyển sinh

6.1. Thời gian và hình thức nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

- **Đối với tất cả các phương thức xét tuyển:** Thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển trên hệ thống ĐKXT của Bộ GD&ĐT theo lịch tuyển sinh chung của Bộ GD&ĐT;

- **Đối với thí sinh tốt nghiệp trước năm 2026** có nguyện vọng **đăng ký xét tuyển theo PT2** và các thí sinh có sử dụng các minh chứng để được hưởng **điểm cộng** (theo bảng tại mục 1.5.2), các thí sinh nộp **điểm môn Vẽ Mỹ thuật:** Thí sinh đăng ký và nộp hồ sơ trực tuyến tại trang thông tin tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: tuyensinh.utc.edu.vn (với mã xét tuyển GHA) và tuyensinh.utc2.edu.vn (với mã xét tuyển GSA).

Thời gian nộp hồ sơ dự kiến từ 19/5/2026 (thông báo chi tiết sau);

- **Đối với các thí sinh đăng ký xét tuyển chương trình liên kết quốc tế:** Thí sinh đăng ký xét tuyển chương trình liên kết quốc tế không đăng ký nguyện vọng trên hệ thống của Bộ GD&ĐT, thí sinh sẽ tham gia xét tuyển, phỏng vấn và kiểm tra trình độ tiếng Anh (theo Thông báo riêng của Nhà trường).

- **Đối với thí sinh xét tuyển thẳng:** Thí sinh xét tuyển thẳng nộp hồ sơ trực tiếp hoặc gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện tới tại Trường Đại học GTVT (mã tuyển sinh GHA) hoặc tại Phân hiệu Tp. Hồ Chí Minh (mã tuyển sinh GSA).

Thời gian nộp: từ 01/6/2026 đến 20/6/2026 (với hồ sơ gửi chuyển phát nhanh qua bưu điện, sẽ căn cứ theo dấu của bưu điện).

- **Các lưu ý với thí sinh trong quá trình cung cấp thông tin phục vụ xét tuyển:**

+ Thí sinh được đăng ký tối đa 15 nguyện vọng vào các chương trình đào tạo, các cơ sở giáo dục đại học khác nhau; nguyện vọng phải được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp, nguyện vọng 1 là nguyện vọng ưu tiên cao nhất.

+ Thí sinh xem Thông báo và Hướng dẫn nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển trực tuyến tại trang thông tin tuyển sinh tuyensinh.utc.edu.vn (với mã xét tuyển GHA) và tuyensinh.utc2.edu.vn (với mã xét tuyển GSA);

+ Thí sinh phải đảm bảo thông tin đăng ký xét tuyển trên hệ thống của Trường và hệ thống của Bộ GD&ĐT là trùng khớp và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin đã khai;

+ Trường Đại học GTVT xét tuyển dựa trên dữ liệu thí sinh đã cung cấp và xác nhận trên hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT. Thí sinh phải kiểm tra kỹ dữ liệu của cá nhân trên hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT và hệ thống xét tuyển của Trường (nếu có). Sau khi thí sinh trúng tuyển và nhập học, Nhà trường sẽ tiến hành thẩm định lại hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh. Nếu kết quả xét tuyển bị ảnh hưởng do có sự sai lệch giữa thông tin trên hồ sơ nhập học với thông tin thí sinh đã khai trên hệ thống xét tuyển của Bộ GD&ĐT hoặc của Trường (nếu có) thì thí sinh hoàn toàn chịu trách nhiệm.

6.2. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo bất kỳ tổ hợp, phương thức xét tuyển nào cũng phải đáp ứng: Tổng điểm xét tuyển thỏa mãn ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào quy định tại mục 3;

Thí sinh đăng ký xét tuyển theo phương thức 2, cần đáp ứng thêm điều kiện đảm bảo chất lượng của Trường quy định tại mục 2.2.

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển.

7.1. Chính sách ưu tiên trong tuyển sinh: Theo Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành.

7.2. Xét tuyển thẳng

Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng, đã tốt nghiệp THPT được xét tuyển thẳng vào trường theo ngành phù hợp với môn thi (bảng mục 2.1), và đáp ứng yêu cầu về môn học bậc THPT quy định tại bảng mục 4.

7.3. Ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia được ưu tiên xét tuyển theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi đã đoạt giải (bảng mục 2.1); thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển. Cụ thể như sau:

- Thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT đáp ứng tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào của Nhà trường;

- Được cộng 01 điểm vào tổng điểm xét tuyển, lưu ý: tổng tất cả điểm cộng không vượt quá 03 điểm (theo thang điểm 30) và không vượt quá tổng điểm tối đa là 30 điểm.

7.4. Thuởng điểm trong xét tuyển

Thí sinh có thành tích cao trong học tập sẽ được thưởng điểm (cộng điểm) vào tổng điểm xét tuyển, áp dụng với tất cả 4 phương thức xét tuyển. Chi tiết xem tại bảng trong mục 5.3.

8. Mức dịch vụ tuyển sinh

8.1. Đối với các nguyện vọng đăng ký trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT:

Thí sinh nộp lệ phí theo quy định của Bộ GD&ĐT.



8.2. Đối với hồ sơ đăng ký trực tuyến trên cổng tuyển sinh của Trường tại địa chỉ: tuyensinh.utc.edu.vn (với mã xét tuyển GHA) và tuyensinh.utc2.edu.vn (với mã xét tuyển GSA).

Mức thu lệ phí: 50.000 đồng/hồ sơ.

Phương thức thu: chuyển khoản tới tài khoản của Nhà trường (chi tiết xem hướng dẫn tại tuyensinh.utc.edu.vn (với mã xét tuyển GHA) và tuyensinh.utc2.edu.vn (với mã xét tuyển GSA).

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh: Nhà trường cam kết giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT.

10. Các nội dung khác

10.1. Học phí dự kiến:

Mức học phí dự kiến năm học 2026-2027 cho khóa mới tuyển sinh năm 2026 (với các chương trình đào tạo chuẩn) trong khoảng từ 2.400.000đ/tháng đến 2.560.000đ/tháng tùy theo các khối ngành.

10.2. Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm:

Các chương trình đào tạo chuẩn và các chương trình tiên tiến, chất lượng cao:

Đợt 1: Từ tháng 5/2026 đến hết tháng 9/2026;

Đợt 2: Sẽ thông báo sau nếu đợt 1 chưa tuyển đủ chỉ tiêu.

Các chương trình liên kết quốc tế: Theo thông báo riêng của Nhà trường.

11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

11.1. Tuyển sinh và đào tạo tại trụ sở chính Hà Nội, mã trường GHA

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành xét tuyển	Mã chương trình ĐT, ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm
1	7220201	Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	KQ thi THPT	60	58	25.33/30	40	36	24.10/30
					HB THPT			26.88/30			26.71/30
					ĐGNL			89.77/150			---
2	7310101	Kinh tế	7310101	Kinh tế	KQ thi THPT	85	81	25.15/30	85	86	25.19/30
					HB THPT			26.76/30			27.87/30
					ĐGTD			---			53.21/100
					ĐGNL			88.69/150			----
3	7340101	Quản trị kinh doanh	7340101	Quản trị kinh doanh	KQ thi THPT	100	97	25.41/30	110	106	25.10/30
					HB THPT			26.94/30			27.84/30
					ĐGTD			---			52.06/100
					ĐGNL			90.25/150			---
4	7340101 QT	Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt - Anh)	7340101	Quản trị kinh doanh	KQ thi THPT	50	50	22.63/30	50	55	23.96/30
					HB THPT			25.08/30			27.04/30
					ĐGTD			---			52.64/100
					ĐGNL			77.94/150			---
5	7340201	Tài chính - Ngân hàng	7340201	Tài chính - Ngân hàng	KQ thi THPT	60	60	25.86/30	55	58	25.46/30
					HB THPT			27.23/30			28.23/30
					ĐGTD			---			51.49/100
					ĐGNL			92.93/150			---
6	7340301	Kế toán	7340301	Kế toán	KQ thi THPT	100	102	25.41/30	110	110	25.20/30
					HB THPT			26.93/30			27.80/30
					ĐGTD			---			51.19/100
					ĐGNL			90.22/150			---
7	7340301 QT	Kế toán (Chương trình chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh)	7340301	Kế toán	KQ thi THPT	90	81	21.15/30	95	100	23.51/30
					HB THPT			24.09/30			26.17/30
					ĐGTD			---			50.00/100
					ĐGNL			72.75/150			---

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình đào tạo, ngành xét tuyển	Mã chương trình ĐT, ngành	Tên chương trình đào tạo, ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2025			Năm 2024		
						Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm	Số lượng	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/ thang điểm
8	7460112	Toán ứng dụng	7460112	Toán ứng dụng	KQ thi THPT	70	67	24.15/30	70	68	23.91/30
					HB THPT			26.09/30			26.89/30
					ĐGTD			57.14/100			50.34/100
9	7480101	Khoa học máy tính	7480101	Khoa học máy tính	KQ thi THPT	60	60	24.35/30	70	61	25.41/30
					Kết hợp			---			28.18/30
					ĐGTD			57.70/100			58.34/100
10	7480106	Kỹ thuật máy tính	7480106	Kỹ thuật máy tính	KQ thi THPT	90	92	23.95/30	40	40	24.55/30
					HB THPT			---			28.51/30
					ĐGTD			56.57/100			54.06/100
					ĐGNL			83.07/150			---
11	7480201	Công nghệ thông tin	7480201	Công nghệ thông tin	KQ thi THPT	210	206	23.70/30	260	277	25.41/30
					Kết hợp			---			28.08/30
					ĐGTD			55.89/100			57.58/100
12	7480201 QT	Công nghệ thông tin (Chương trình chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt - Anh)	7480201	Công nghệ thông tin	KQ thi THPT	90	90	23.10/30	100	100	24.40/30
					HB THPT			25.39/30			27.94/30
					ĐGTD			54.47/100			51.35/100
13	7580215	Kỹ thuật an toàn giao thông	7580215	Kỹ thuật an toàn giao thông	KQ thi THPT	50	46	21.44/30	50	58	23.37/30
					HB THPT			24.28/30			26.68/30
					ĐGTD			51.00/100			---
14	7510605	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	7510605	Logistic và quản lý chuỗi cung ứng	KQ thi THPT	100	98	27.52/30	110	113	26.45/30
					HB THPT			28.34/30			---
					Kết hợp			---			28.80/30
					ĐGTD			---			59.91/100
					ĐGNL			102.95/150			---
15	7520103	Kỹ thuật cơ khí	7520103	Kỹ thuật cơ khí	KQ thi THPT	150	150	25.95/30	150	155	24.93/30
					HB THPT			27.29/30			27.21/30
					ĐGTD			63.29/100			53.26/100